

Bản án số: 165/2017/DS-PT

Ngày: 20/9/2017.

V/v: “Tr/c hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Bà Ngô Thị Minh Trang

*** Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:** Bà Trần Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Kiên Giang tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện U , tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2017/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1972. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U , tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn B, sinh năm: 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Trần Hữu P là Luật sư cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh K. (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Huỳnh Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Vào ngày 30/6/2016, ông Huỳnh Văn B có lại nhà bà Nguyễn Thị V hỏi vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Khi vay tiền hai bên có làm Bên nhận nợ, từ khi vay đến nay ông B không trả gốc và lãi cho bà.

Ngày 30 tết (âm lịch) năm 2016, bà V đến nhà ông B đòi tiền thì ông B nói không có thiếu tiền bà, do quá bức xúc nên bà làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B phải trả cho bà tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày:

Ông thừa nhận ngày 30/6/2016, ông có đến nhà bà V vay số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng nhưng đến tháng 08/2016 ông đã trả thanh toán tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 225.000 đồng, tổng cộng 3.225.000 đồng.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Áp dụng các Điều 280, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số: 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” với bị đơn ông Huỳnh Văn B.

Buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị V số tiền 3.489.700 đồng, trong đó tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 489.700 đồng.

Kể từ ngày bà V có đơn thi hành án, Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án. Nếu ông B không trả hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ của mình thì ngoài số tiền nói trên, hàng tháng còn phải trả thêm cho bà V khoản tiền lãi theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

* Ngày 04/5/2017, ông Huỳnh Văn B có đơn kháng cáo với nội dung:

Ông không đồng ý phần quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông phải trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 3.489.700 đồng. Ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem

xét lại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của TAND huyện U, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Huỳnh Văn B có ý kiến: Ông Huỳnh Văn B thừa nhận có vay tiền và đã thanh toán cho bà V, luật sư đã tiến hành thu thập chứng cứ tại địa phương của ông B nhưng chưa có căn cứ chứng minh được việc ông B đã trả gốc và lãi cho bà V. Về lãi suất, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất buộc ông B phải thanh toán cho bà V là chưa phù hợp. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét áp dụng quy định pháp luật về lãi suất theo Bộ luật dân sự năm 2005.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn B không đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền gốc và lãi là 3.489.700 đồng. Ông B xác định ông đã thanh toán cho bà V số tiền gốc 3.000.000 đồng và lãi theo quy định.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V không đồng ý yêu cầu của ông B. Bà yêu cầu giữ nguyên nội dung án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang đã phát Bề quan điểm về việc tuân theo tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử ở giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định pháp luật. Về nội dung, xét kháng cáo của bị đơn không có cơ sở chấp nhận nhưng Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót trong việc áp dụng quy định của pháp luật trong việc tính lãi suất cho các bên đương sự nên đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự sửa án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, luật sư, nguyên đơn, bị đơn, HĐXX nhận thấy:

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị V và ông Huỳnh Văn B đều thống nhất xác định: Ông Huỳnh Văn B có vay của bà Nguyễn Thị V số tiền 3.000.000 đồng, lãi suất 5% tháng, việc vay tiền có làm Bên nhận nợ đề ngày 30/6/2016 (BL 03, 26, 27, 28). Theo lời khai của ông B cho rằng: Tháng 08/2016, ông đã thanh toán cho bà V số tiền gốc

3.000.000 đồng và tiền lãi 225.000 đồng nhưng không được bà V thừa nhận; đồng thời, ông B cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh việc ông đã thanh toán số tiền vay này cho bà V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông B phải thanh toán cho bà V số tiền gốc 3.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông B không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Vì theo quy định khoản 2 Điều 91 BLTTDS: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Do đó, HĐXX không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B.

[2] Về lãi suất: Tại Bên nhận đề ngày 30/6/2016 thể hiện ông B có vay của bà V số tiền 3.000.000 đồng nên giao dịch dân sự này đã thực hiện xong trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp vay tiền giữa bà V với ông B phải áp dụng quy định của Bộ luật dân sự số 33/2005/QH11 (tức là BLDS năm 2005) để giải quyết.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất vay cho các bên là có thiếu sót. Vì vậy, căn cứ các Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005 HĐXX cần thiết phải tính lại lãi suất giữa các bên đương sự. Theo đó, thời gian vay từ ngày 30/6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/4/2017) là 09 tháng 25 ngày. Số tiền lãi ông B phải thanh toán cho bà V là: $3.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 9 \text{ tháng } 25 \text{ ngày} = 331.875 \text{ đồng}$.

Tiền gốc và lãi ông Huỳnh Văn B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị V là:

$$3.000.000 \text{ đồng} + 331.875 \text{ đồng} = 3.331.875 \text{ đồng}.$$

Trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang; chấp nhận ý kiến của luật sư và chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Văn B, sửa bản án dân sự sơ thẩm.

* Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Bên lai thu tiền số 0000951 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U , tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông B 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo Bên lai thu tiền số 0006511 ngày 05/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U , tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn ông Huỳnh Văn B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 16/2017/DS-ST ngày 25/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh Kiên Giang về lãi suất.

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 - Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Điều 147, Điều 148 - Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V với bị đơn ông Huỳnh Văn B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[2] Buộc ông Huỳnh Văn B phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị V số tiền gốc 3.000.000 đồng và tiền lãi 331.875 đồng, tổng cộng 3.331.875 đồng (*ba triệu ba trăm ba mươi một nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

[3] Kể từ ngày bà Nguyễn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Văn B không trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án của số tiền phải thi hành án.

[4] Về án phí:

- *Án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc ông Huỳnh Văn B phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch với số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*).

Bà Nguyễn Thị V không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà V 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000951 ngày 16/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

- *Án phí dân sự phúc thẩm*: Ông Huỳnh Văn B không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông B 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà ông B đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006511 ngày 05/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Kiên Giang.

[5] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện U ;
- T.H.A DS huyện U ;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Kế Nghiệp

